TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 290/2026/QĐST-HNGĐ	*Đồng Nai, ngày 30 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 397, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 862/2026/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2026, về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

- Ông Nguyễn Bình Phương T, sinh năm 1983;

Căn cước công dân số 054083011xxx, cấp ngày x/y/20xx;

Nơi cư trú: Tổ X, khu phố N, phường H, TP. Đồng Nai.

Số điện thoại: 0392.033.xxx.

- Bà Huỳnh Thị Ánh T2, sinh năm 19xx;

Căn cước công dân số 056186004xxx, cấp ngày x/y/20xx;

Nơi cư trú: Tổ X, khu phố N, phường H, TP. Đồng Nai;

Số điện thoại: 0363.089.xxx.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông Nguyễn Bình Phương và bà Huỳnh Thị Ánh T2 đoàn tụ nhưng ông Phương và bà T2 không đồng ý đoàn tụ mà tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ việc dân sự, cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Bình Phương T và bà Huỳnh Thị Ánh T2 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện R, tỉnh Khánh Hòa, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số x, quyển số y ngày x/y/20xx. Căn cứ vào các Điều 11, 12, 13 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình hòa giải, ông T và bà T2 không đoàn tụ để về chung sống với nhau mà thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; sự tự nguyện của

ông, bà là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận.

[2] Về con chung: Ông T và bà T2 có 02 con chung tên là Nguyễn Thiên P, sinh ngày x/y/20xx và Nguyễn Thiên P2, sinh ngày x/y/20xx. Ông T và bà T2 đã thỏa thuận, thống nhất giao cháu Nguyễn Thiên P cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời bà T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Thiên P2 đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của đương sự là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận.

Bà Huỳnh Thị Ánh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Ông T và bà T2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông T và bà T2 đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông T và bà T2 phải nộp lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ghi trong Biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 22/6/2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Bình Phương T và bà Huỳnh Thị Ánh T2 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 23/11/2011 cho ông Nguyễn Bình Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời bà Huỳnh Thị Ánh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Thiên P2 đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Bà Huỳnh Thị Ánh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Bình Phương T và bà Huỳnh Thị Ánh T2 mỗi người phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí giải quyết việc dân sự; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Biên lai thu số 0013xxx ngày x/y/20xx và Biên lai thu số 0013xxx ngày x/y/20xx của Thi hành án dân sự Thành phố Đồng Nai. Ông T và bà T2 đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 3 - Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự TP. Đồng Nai;
- UBND xã C, tỉnh Khánh Hòa (Giấy chứng nhận kết hôn số x, Quyển số y, ngày x/y/20xx, xã C, Huyện R, tỉnh Khánh Hòa cũ)
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Đặng Quang Tuyến